

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **146/2024/HS-PT**

Ngày: 21-8-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung và bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 140/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 7 năm 2024. Do có kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị D với Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Hoàng Thị D**, sinh năm: 1987, tại huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi đã cư trú: 73 V, tổ dân phố N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nơi ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1968 và bà Tống Thị T1 (đã chết); bị cáo có chồng Vũ Bá T2, sinh năm 1986 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Hộ kinh doanh Lê Thanh L; địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thanh L; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty trách nhiệm hữu hạn C.

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện: Ông Lê Thanh V- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Địa chỉ: Số A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2018, Hoàng Thị D là nhân viên tiếp thị của Công ty TNHH C (Viết tắt là: Công ty C, có địa chỉ tại Cụm C, thành phố B) được bà Đoàn Thị Thu T3 - Phó Giám đốc của Công ty giao xuống làm việc tại Nhà máy T6, đóng tại thôn E, xã E, huyện E do bà Lê Thị P là đại diện hộ kinh doanh. Đầu năm 2020, hộ kinh doanh Lê Thị P ngưng hoạt động kinh doanh nên D và nhân viên lao động của Nhà máy T6 đều nghỉ việc; sau khi nghỉ việc, D về xã E, huyện K buôn bán hàng online và làm nông tại nhà. Ngày 28/5/2020, Nhà máy T6 được ông Lê Thanh L đăng ký hoạt động kinh doanh trở lại nên được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện E cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 40H8007004 do ông Lê Thanh L là người đại diện hộ kinh doanh và H kinh doanh Lê Thanh L có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 04/2020/HĐ-KGLV ngày 28/5/2020 với Công ty C với các điều khoản thoả thuận làm đại lý và phân phối các sản phẩm tôn; đồng thời thống nhất giao cho ông Lê Thanh L toàn quyền quản lý nhà máy T6 bao gồm 01 máy cán tôn, 01 máy nhấn vòm, 01 máy dập khổ, 01 máy cầu, 01 xe máy cày, nhận hàng, bán hàng và tự tổ chức, điều hành các hoạt động kinh doanh như tuyển dụng lao động, trả lương, hạch toán kinh tế độc lập và đóng thuế cho nhà nước theo quy định. Sau khi hoàn tất thủ tục pháp lý nhưng chưa có công nhân làm việc nên ông L đã thuê Hoàng Thị D và ông Y Thép M, sinh năm 1988, trú tại Buôn E, xã C, huyện E đến làm việc tại hộ kinh doanh của L; L thoả thuận với D và Y Thép M về việc phân công nhiệm vụ, trả lương hàng tháng cho D thông qua bán sản phẩm 4.000đ/1m tôn, còn Y T4 có nhiệm vụ hỗ trợ D và chở hàng giao cho khách mua với mức lương 4.500.000đ (không lập hợp đồng bằng giấy). Trong thời gian này mẹ của D bị bệnh nặng phải nhập viện điều trị nhưng không có tiền chữa trị nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt tôn bán lấy tiền và D bắt đầu thực hiện từ khoảng tháng 4/2021, với thủ đoạn khi có khách đến mua tôn, D cùng với Y T4 M dùng máy cầu để cầu cuộn tôn phẳng lên máy cán cắt khoảng 5m tôn ngoài cùng của cuộn tôn (phần kế toán có ghi thông tin kiểm đếm trước đó) để riêng ra và cán phần tôn bên trong, sau khi cán xong thì D dùng băng keo trong dán phần tôn vừa cắt ra vào cuộn tôn rồi cầu để lại vị trí cũ (Y T4 không biết việc làm của D nhằm chiếm đoạt tôn của ông L). Khi nhân viên kế toán là bà H1 và bà D1 kiểm tra kho thấy đầu cuộn tôn vẫn còn nguyên chữ viết thông tin kiểm đếm trước đó nghĩ là cuộn tôn còn nguyên chưa được cắt bán nên không cần kiểm tra lại và không phát hiện ra D đã chiếm đoạt. Trong thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 7/2022, cùng phương thức, thủ đoạn nêu trên Hoàng Thị D đã chiếm đoạt được tổng số 2.590,38 mét tôn các loại tại các cuộn tôn có kí hiệu: XR43, XR44, XR49,

XR51, XN43, NĐ7, NĐ9, NĐ17, NĐ20, NĐ22, VK2, TS25-16, L42-2, L29-9, đây là tài sản của Hộ Kinh doanh Lê Thanh L. Từ tháng 8/2022, cơ sở kinh doanh đóng cửa, khoá hệ thống máy cầu, máy đập nên D không thể tiếp tục thực hiện được hành vi chiếm đoạt nữa.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 30 ngày 11/7/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện E, kết luận: Các cuộn tôn có các ký hiệu XR43 bị chiếm đoạt 141m, giá trị 12.384.855đ; XR44 bị chiếm đoạt 186,98m có giá trị 9.405.984đ; XR49 bị chiếm đoạt 139,71m có giá trị 10.860.590đ; XR51 bị chiếm đoạt 10m có giá trị 918.450đ; XN43 bị chiếm đoạt 317m có giá trị 15.946.610đ; NĐ7 bị chiếm đoạt 213m có giá trị 14.296.278đ; NĐ9 bị chiếm đoạt 128,65m có giá trị 10.112.558đ; NĐ17 bị chiếm đoạt 80,05m có giá trị 7.031.260đ; NĐ20 bị chiếm đoạt 105m có giá trị 7.448.582đ; NĐ22 bị chiếm đoạt 251,59m có giá trị 13.793.863đ; VK2 bị chiếm đoạt 406,40m có giá trị 20.443.855đ; TS25-16 bị chiếm đoạt 32m có giá trị 1.609.752đ; L42-2 bị chiếm đoạt 246m có giá trị 17.843.364đ và L1 bị chiếm đoạt 333m có giá trị 17.268.179đ. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt (làm tròn số) là 159.364.000đ (một trăm năm mươi chín triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2024/HS-ST ngày 30/5/2024, của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị D phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị D 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/6/2024, bị cáo Hoàng Thị D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án nêu trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử bị cáo Hoàng Thị D về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về hình phạt: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng của bị cáo, giảm cho bị

cáo một phần hình phạt, sửa quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 02 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Với động cơ tư lợi cá nhân, Hoàng Thị D đã lợi dụng sự quản lý sơ hở của chủ sở hữu là hộ kinh doanh Lê Thanh L nên từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 7/2022 bị cáo Hoàng Thị D là nhân viên của hộ kinh doanh được giao nhiệm vụ quản lý và bán sản phẩm, đã liên tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là tôn cán các loại của hộ kinh doanh Lê Thanh L do ông Lê Thanh L làm chủ, tổng số tài sản bị chiếm đoạt là 2.590,38 mét tôn, qua định giá xác định là 159.364.000 đồng (*một trăm năm mươi chín triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*). Do đó, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử bị cáo Hoàng Thị D về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự, là đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy rằng: Mức hình phạt 03 năm 03 tháng tù mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị D. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị D 03 (Ba) năm 03 (tháng) tháng tù về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hoàng Thị D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm